

PHỤ LỤC VIA

(Ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGHĨA SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60a/BC-UBND

Nghĩa Sơn, ngày 02 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG **Công trình: Kiên cố hóa kênh Đập Đồng Quang phía Tây - 6**

Kính gửi: **Phòng Kinh tế - Hạ tầng và Đô thị huyện Tư Nghĩa**

Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Sơn báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

- 1/ Tên công trình:** Kiên cố hóa kênh Đập Đồng Quang phía Tây - 6.
- 2/ Địa điểm xây dựng:** xã Nghĩa Sơn, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.
- 3/ Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:** **Phạm Văn Sĩ - 0974202921.**

4/ Qui mô xây dựng công trình:

- Loại, cấp công trình: Cấp IV (theo QCVN 04:05-2022).
- Tổng chiều dài tuyến: $L = 696,80\text{m}$
- 1.1. Tuyến kênh chính:** Chiều dài tuyến $L = 370,80\text{m}$ Trong đó:
 - + Điểm đầu: Tại kênh Đập Đồng Quang phía Tây hiện trạng
 - + Điểm cuối: Tại kênh Đồng Quang phía Tây hiện trạng
 - Xi phong ống thép D300mm dày 3,5mm $L=58\text{m}$ tại Km0+308,50 -:- 366,50 (Gác trên mô đỡ bằng bê tông cốt thép đá 1x2 M200)
 - Kênh đập đan Mặt cắt ngang kênh (BxH) = (40x50)cm kết cấu bê tông cốt thép đá 1x2 M200
 - + Cao trình đáy đầu kênh: +9.67m
 - + Cao trình đáy cuối kênh: +7.28m
 - Công trình trên kênh:
 - + 01 dàn van đóng mở V0.4 tại Km0+00
 - + Cổng V30x30 tại Km0 + 288,70
 - + Tấm đan nắp và tấm đan qua mương.
- 1.2. Tuyến kênh nhánh 1:** Chiều dài tuyến $L = 177,60\text{m}$ Trong đó:
 - + Điểm đầu: Tại cổng V50x50 hiện hữu thuộc kênh Đập Đồng Quang phía Tây - 6 tại lý trình Km0+116,70 (cọc 6).

+ Điểm cuối: Đầu nối bổ sung nước tại Km0+295,30 (cọc S10) thuộc kênh Đập Đồng Quang phía Tây – 6

- Mặt cắt ngang kênh (BxH) = (30x50)cm kết cấu bê tông cốt thép đá 1x2 M200

+ Cao trình đáy đầu kênh: +8.70m

+ Cao trình đáy cuối kênh: +6.78m

- Công trình trên kênh:

+ 01 dàn van đóng mở V0.3 tại Km0+116,70

+ Công V30x30 tại Km0 + 36,30

1.3. Tuyến kênh nhánh 2: Chiều dài tuyến L = 148,40m Trong đó:

+ Điểm đầu: Lấy nước hiện hữu thuộc kênh Đập Đồng Quang phía Tây – 6.

+ Điểm cuối: Mương đất tại Km0+148,40.

- Mặt cắt ngang kênh (BxH) = (30x50)cm kết cấu bê tông cốt thép đá 1x2 M200

+ Cao trình đáy đầu kênh: +6.89m

+ Cao trình đáy cuối kênh: +6.79m

- Công trình trên kênh:

+ 01 dàn van đóng mở V0.3 tại Km0+00

5/ Danh sách các nhà thầu:

- Tư vấn thiết kế: Công ty TNHH MTV Tư vấn ĐT&XD Nguyên Hưng

- Nhà thầu giám sát: Công ty TNHH Tư vấn và xây dựng Khang Trà

- Quản lý dự án: Công ty TNHH Tam Anh ATP

- Nhà thầu thi công xây dựng: Công ty TNHH TM và DV Tư vấn Thắng Lợi.

6/ Ngày khởi công và ngày hoàn thành:

- Ngày khởi công: 23/4/2025.

- Ngày hoàn thành: 30/05/2025.

7/ Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện:

Đơn vị thi công cơ bản đã thực hiện đảm bảo đúng theo khối lượng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng thực hiện
	Tuyến kênh chính		
1	Đào móng kênh mương, bằng máy đào 0,4m3, đất cấp III	100m3	2,1217
2	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m3	3,1020

3	Mua đất về để đắp - Mỏ đất núi Đông Thoại, xã Tịnh Ấn Đông	m3	110,7796
4	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10T, cự ly vận chuyển ≤ 1km	10m3/1km m	11,0780
5	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10T, cự ly vận chuyển ≤ 60km	10m3/1km m	332,3387
6	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông thân kênh, đá 1x2, mác 200	m3	35,7800
7	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng kênh, đá 1x2, mác 200	m3	21,4680
8	Ni long chống mất nước xi măng	m2	214,6800
9	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn tường, móng kênh	100m2	7,9670
10	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép ≤ 10mm	tấn	2,0788
11	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông giằng, đá 1x2, mác 200, PCB40	m3	0,5960
12	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại giằng	100m2	0,1670
13	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng, đường kính cốt thép ≤ 10mm	tấn	0,1499
14	Giấy dầu, 1 lớp giấy 1 lớp nhựa	m2	9,5410
	Xi phong thép D300mm		
15	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông lót móng, chiều rộng ≤ 250 cm, đá 4x6, vữa mác 150, PCB40	m3	0,0800
16	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông cột, tiết diện cột ≤ 0,1m2, đá 1x2, mác 200, PCB40	m3	0,3360
17	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông đầu cống, đá 1x2, mác 200, PCB40	m3	0,1250
18	Ván khuôn gỗ. Ván khuôn cột, cột vuông, chữ nhật	100m2	0,0163
19	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép ≤ 10mm, chiều cao ≤ 6m	tấn	0,0059
20	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép cột, trụ, đường kính cốt thép ≤ 18mm	tấn	0,0037
21	Gia công Thép ống D300 dày 3.5mm	tấn	0,0905
22	Sơn sắt thép các loại 2 nước	m2	8,7960
23	Lắp đặt ống thép	tấn	0,0905
24	Ni long chống mất nước xi măng	m2	0,2400

	Cống V30x30 tại Km0+288,70		
25	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông ống cống, đá 1x2, mác 250, PCB40	m3	0,8000
26	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn thép, ván khuôn ống cống	100m2	0,1600
27	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép ống cống, ống buy, đường kính ≤ 10mm	tấn	0,1004
28	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép ống cống, ống buy, đường kính ≤ 18mm	tấn	0,0572
29	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông môi nối, đá 1x2, mác 250, PCB40	m3	0,2000
30	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn thép, ván khuôn môi nối	m2	0,0088
31	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép môi nối, đường kính ≤ 10mm	tấn	0,0306
32	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông tường đầu, đá 1x2, mác 200, PCB40	m3	0,2310
33	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn tường đầu cống+móng	100m2	0,0200
34	Quét nhựa đường chống thấm môi nối ống cống	ống cống	4,0000
35	Lắp đặt ống cống	đoạn ống	5,0000
36	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông mặt đường, chiều dày mặt đường ≤ 25 cm, đá 2x4, mác 200, PCB40	m3	1,0790
37	Cắt bê tông mặt đường hiện trạng	md	7,0000
38	Phá dỡ kết cấu bê tông mặt đường hiện trạng	m3	1,0710
39	Thi công móng cấp phối đá dăm hai bên mang cống	100m3	0,0207
40	Đào móng, bằng máy đào 0,4m3, đất cấp III	100m3	0,0480
41	Đắp đất móng cống	m3	1,5760
	Dàn van đóng mở Vo.4 tại Km0+000		
42	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông thân, đá 1x2, mác 200	m3	0,0910
43	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông, đá 1x2, mác 200	m3	0,0630
44	Ni long chống mất nước xi măng	m2	0,2700
45	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn tường, cột	100m2	0,0029

	vuông, cột chữ nhật		
46	Gia công cấu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cấu kiện ≤ 100 kg	tấn	0,0424
47	Sơn sắt thép các loại 2 nước	m2	1,0270
48	Lắp đặt cửa van	tấn	0,0424
	Tấm đan		
49	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông tấm đan, đá 1x2, mác 250, PCB40	m3	14,2200
50	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn thép, ván khuôn tấm đan	100m2	1,1304
51	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép tấm đan, đường kính ≤ 10 mm	tấn	1,1753
52	Lắp đặt tấm đan	1 cấu kiện	702,0000
	Tuyến kênh nhánh 1		
53	Đào móng kênh mương, bằng máy đào 0,4m3, đất cấp III	100m3	0,7437
54	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu $K=0,90$	100m3	0,6042
55	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông thân kênh, đá 1x2, mác 200, PCB40	m3	20,7120
56	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng kênh, đá 1x2, mác 200, PCB40	m3	9,3200
57	Ni long chống mất nước xi măng	m2	93,2040
58	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn tường + móng kênh	100m2	3,8461
59	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép ≤ 10 mm	tấn	0,5033
60	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông xà dầm, giằng, đá 1x2, mác 200, PCB40	m3	0,2010
61	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn giằng	100m2	0,0604
62	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép giằng, đường kính cốt thép ≤ 10 mm	tấn	0,0654
63	Giấy dầu, 1 lớp giấy 1 lớp nhựa	m2	5,0050
	Dàn van đóng mở Vo.3 tại Km0+0.00 (Tại cọc 6 Km0+166.70)		
64	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông thân, đá 1x2, mác 200	m3	0,1430
65	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, đá 1x2, mác 200	m3	0,1230
66	Ni long chống mất nước xi măng	m2	0,8000

67	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn thân + móng	100m ²	0,0232
68	Gia công cầu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cầu kiện ≤ 100 kg	tấn	0,0359
69	Sơn sắt thép các loại 2 nước	m ²	0,7910
70	Lắp đặt cửa van phẳng, độ cao đóng mở < 5 m	tấn	0,0359
	Cống V30x30 tại Km0+36.30		
71	Đổ bê tông đúc sẵn bằng thủ công - sản xuất bằng máy trộn. Bê tông ống cống, đá 1x2, mác 250, PCB40	m ³	0,8000
72	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn thép, ván khuôn ống cống	100m ²	0,1600
73	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép ống cống, ống buy, đường kính ≤ 10mm	tấn	0,1004
74	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép ống cống, ống buy, đường kính ≤ 18mm	tấn	0,0572
75	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông mối nối, đá 1x2, mác 250, PCB40	m ³	0,2000
76	Công tác gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn. Ván khuôn thép, ván khuôn mối nối	m ²	0,0091
77	Công tác gia công, lắp đặt cốt thép bê tông đúc sẵn. Cốt thép mối nối, đường kính ≤ 10mm	tấn	0,0306
78	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông tường đầu, đá 1x2, mác 200, PCB40	m ³	0,2310
79	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn tường đầu cống + móng	100m ²	0,0200
80	Quét nhựa đường ống cống	ống cống	4,0000
81	Lắp đặt ống cống	tấn	5,0000
82	Thi công móng cấp phối đá dăm hai bên mang cống	100m ³	0,0207
83	Đào móng bằng máy đào 0,4m ³ , đất cấp III	100m ³	0,0480
84	Đắp đất móng cống	m ³	1,5760
	Tuyến kênh nhánh 2		
85	Đào móng kênh mương, bằng máy đào 0,4m ³ , đất cấp II	100m ³	0,1816
86	Đắp đất công trình bằng đầm đất cầm tay 70kg, độ chặt yêu cầu K=0,90	100m ³	0,5077
87	Mua đất về để đắp - Mỏ đất núi Đông Thoại, xã Tịnh Ấn Đông	m ³	36,8482

88	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10T, cự ly vận chuyển ≤ 1km	10m ³ /1km	3,6848
89	Vận chuyển đất bằng ô tô tự đổ 10T, cự ly vận chuyển ≤ 60km	10m ³ /1km	110,5445
90	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông tường chiều dày ≤ 45cm, chiều cao ≤ 6m, đá 1x2, mác 200	m ³	17,8080
91	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, chiều rộng > 250 cm, đá 1x2, mác 200	m ³	8,0140
92	Ni long chống mất nước xi măng	m ²	80,1360
93	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn thân + móng	100m ²	3,3069
94	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép tường, đường kính cốt thép ≤ 10mm	tấn	0,4327
95	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông giằng đá 1x2, mác 200, PCB40	m ³	0,1730
96	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn giằng	100m ²	0,0519
97	Công tác gia công lắp dựng cốt thép. Cốt thép xà dầm, giằng, đường kính cốt thép ≤ 10mm	tấn	0,0562
98	Giấy dầu, 1 lớp giấy 1 lớp nhựa	m ²	4,3040
	Dàn van V0.3 tại Km0+000		
99	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông thân, đá 1x2, mác 200	m ³	0,0510
100	Đổ bê tông thủ công bằng máy trộn, bê tông móng, đá 1x2, mác 200	m ³	0,0540
101	Ni long chống mất nước xi măng	m ²	0,2250
102	Ván khuôn cho bê tông đổ tại chỗ, ván khuôn kim loại, ván khuôn thân + móng	100m ²	0,0025
103	Gia công cầu kiện thép đặt sẵn trong bê tông, khối lượng một cầu kiện ≤ 100 kg	tấn	0,0359
104	Sơn sắt thép các loại 2 nước	m ²	9,7530
105	Lắp đặt cửa van phẳng, độ cao đóng mở < 5 m	tấn	0,0359

8/ Đánh giá về chất lượng công trình xây dựng so với yêu cầu thiết kế:

Triển khai thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được duyệt, đáp ứng yêu cầu về kỹ, mỹ thuật. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành của Nhà nước.

9/ Báo cáo về việc đủ điều kiện để tiến hành nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng:

- Hợp đồng thi công

- Nhật ký công trình.
- Kết quả thí nghiệm.
- Bản vẽ hoàn công.
- Hồ sơ quản lý chất lượng công trình.

10/ Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Sơn cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định và đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Phòng Kinh tế - Hạ tầng và đô thị huyện tổ chức kiểm tra hạng mục công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, các PCT.UBND xã;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Phạm Văn Phùng